|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  | | --- | --- | | SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I** | | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **NĂM HỌC 2021 – 2022** | | TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT TÂN PHÚ  *Ngày KT: ……………..* | **MÔN TOÁN – LỚP 6**  ***Thời gian làm bài: 60 phút*** | | |  | |  |

**PHẦN I: KIẾN THỨC VÀ MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập số tự nhiên, số nguyên.

- Ôn tập phép cộng, trừ, nhân và chia các số nguyên.

- Ôn tập ước và bội, ƯCLN và BCNN.

- Ôn tập hình vuông, tam giác đều, lục giác đều, hình thang cân, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành.

- Ôn tập chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn.

- Ôn tập các loại biểu đồ: biểu đồ dạng bảng, biểu đồ tranh, biểu đồ cột.

**2. Kỹ năng:**

- Biết thực hiện được đúng thứ tự các phép tính trong một biểu thức.

- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng của số nguyên trong tính toán một cách hợp lý;

- Nhận biết được ước, bội của một số tự nhiên.

- Phân tích được một số ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản, biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích.

- Tìm được ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số.

- Tìm được bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số.

- Vận dụng được ƯCLN, BCNN của hai hoặc ba số giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản.

- Nhận dạng được hình vuông, tam giác đều, lục giác đều, hinh chữ nhật, hình thoi và hình bình hành.

- Mô tả được một số yếu tố cơ bản của hình vuông, tam giác đều, lục giác đều, hinh chữ nhật, hình thoi và hình bình hành.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt.

- Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân và chia các số nguyên.

- Biết cách đọc và mô tả dữ liệu trên bảng.

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trên biểu đồ tranh, biểu đồ cột và biểu đồ cột kép.

**PHẦN II: HÌNH THỨC KIỂM TRA**

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm 40% và tự luận 60%.

- Cách tổ chức kiểm tra: Kiểm tra tập trung, thời gian 60 phút.

- Đề kiểm tra trắc nghiệm theo mức độ 5 – 3,5 – 1 – 0,5 (5 biết – 3,5 hiểu – 1 vận dụng thấp – 0,5 vận dụng cao)

**PHẦN III: MÔ TẢ VÀ MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức kỹ năng kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **VDC** |
| 1 | **SỐ TỰ NHIÊN** | Nâng lên lũy thừa, cộng, trừ, nhân chia số tự nhiên | **Nhận biết**  - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên không có dấu ngoặc  (Câu 1a TL)  **Thông hiểu**  - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên có dấu ngoặc  (Câu 1b TL)  - Tìm x liên quan đến phép toán nâng lên lũy thừa.  (Câu 4 TN) | 1 | 2 |  |  | 3 |
| Dấu hiệu chia hết | **Nhận biết**  - Biết được dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9  (Câu 1 TN)  **Thông hiểu**  - Vận dụng kết hợp các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.  (Câu 2 TN) | 1 | 1 |  |  | 2 |
| Ước chung lớn nhất – Bội chung nhỏ nhất | **Vận dụng thấp**  - Vận dụng được kiến thức về ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất vào giải quyết một số tình huống thực tiễn đơn giản.  (Câu 2 TL) |  |  | 1 |  | 1 |
| 2 | **CÁC HÌNH PHẲNG TRONG THỰC TIỄN** | Các loại hình phẳng | **Nhận biết**  - Tính được độ dài cạnh của hình vuông, tam giác đều, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang cân.  - Nhận biết được hình vuông, tam giác đều, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang cân.  (Câu 5, 7 TN)  **Thông hiểu**  - Vận dụng được các tính chất hình vuông, tam giác đều, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang cân.  (Câu 6 TN) | 2 | 1 |  |  | 3 |
| Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn | **Nhận biết**  - Tính chu vi của một số hình trong thực tiễn.  (Câu 4a TL)  **Thông hiểu**  **-** Tính diện tích của một số hình thực tiễn đơn giản dựa trên diện tích hình vuông, tam giác đều, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành hành, hình thang cân  (Câu 4b TL)  **Vận dụng cao**  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với việc tính chu vi và diện tính.  (Câu 5 TL) | 1 | 1 |  | 1 | 3 |
| 3 | **SỐ NGUYÊN** | Số nguyên âm và các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số nguyên | **Nhận biết**  - Biểu diễn một vấn đề thực tế thành một số nguyên.  (Câu 8 TN)  - Giải quyết được các bài toán về tìm x dựa trên cộng, trừ, nhân và chia các số nguyên.  (Câu 3 TN)  **Thông hiểu**  - Thực hiện được các phép cộng, trừ, nhân và chia các số nguyên đơn giản.  - Giải quyết các bài toán thực tiễn về cộng, trừ, nhân, chia các số nguyên đơn giản.  (Câu 9 TN) | 2 | 1 |  |  | 3 |
| 4 | **MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ** | Các loại biểu đồ | **Nhận biết**  - Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trên biểu đồ dạng bảng. biểu đồ tranh và biểu đồ cột, cột kép.  - Vẽ biểu đồ tranh, cột và cột kép.  - Biết được tính hợp lý của dữ liệu  (Câu 10 TN, Câu 3a, b TL) | 3 |  |  |  | 3 |